

TÌM HIỂU VỀ KHỔ TRƯỜNG Ở NAM BỘ VÀ KHỔ TRƯỜNG BẢ CANH Ở CAO LÃNH

Lê Thành Thuận*

Một số tư liệu lịch sử cho biết trong buổi đầu khai phá Nam Bộ, các chúa Nguyễn đã cho thành lập 9 khổ trường biệt nạp, trong đó có khổ trường Bả Canh ở Cao Lãnh để thu thuế bằng hiện vật. Qua đó, chúng ta biết được khái quát vị trí, chức năng và tầm quan trọng của các khổ trường này trong chính sách khai hoang, quản lý nguồn lợi khai thác sản vật ở địa phương một cách chặt chẽ, hệ thống.

1. Việc kiến tạo chín khổ trường biệt nạp

Bước đầu khai phá Nam Bộ đã dần tạo dựng cuộc sống ổn định, hoạt động sản xuất nông nghiệp và khai thác sản vật sản có ngày càng phát triển. Để quản lý các hoạt động đó, chúa Nguyễn cho dựng lên 9 khổ trường biệt nạp (cửu khổ trường biệt nạp) thu thuế để tạo nguồn ngân sách duy trì bộ máy chính quyền và quân sự trên vùng đất mới. Năm 1741 là năm bắt đầu áp dụng việc ghi sổ thuế và cũng là năm mà chúa Nguyễn Phúc Khoát cho thành lập 9 khổ trường biệt nạp phân bố khắp vùng Gia Định (gồm cả Nam Bộ thời bấy giờ) để thu thuế khai thác sản vật,

gồm: Qui An, Qui Hóa, Cảnh Dương, Thiên Mục, Gian Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Tân Thạnh và Bả Canh¹.

Thuế đem nộp tại các khổ trường này gọi là *thuế biệt nạp*, hiểu nôm na là thuế công thương tính theo số hàng hóa hay số thợ từng nghiệp phường, thầu bằng tiền và bằng hóa phẩm. Khác với loại thuế này là *thuế chánh nạp* tức là *thuế đinh*, *thuế điền* tính theo số bộ (đinh bộ, điền bộ). Nếu ở trong vùng đất mới chỉ có các nậu, chưa có xã thôn và số bộ ổn định thì thuế chánh nạp cũng tính theo quy chế biệt nạp (đánh theo mùa và theo khai báo đại khái)². Như vậy, có thể hiểu cửu khổ trường biệt nạp là nơi thu thuế hiện vật của những người làm cùng một nghề, ai làm nghề gì thì nộp sản phẩm của nghề ấy, thường tính theo mùa, mùa nào khai thác được sản vật thì nộp vào khổ trường để chuyển về kinh thành.

Ngoài việc lập khổ trường để quy tụ dân cư, cấy cây trồng trọt, ở những nơi dựa

núi, ven biển còn hẻo lánh mà dân sống bằng nghề rừng, nghề biển thì lập ra *trang*, *trại*, *man*, *nậu*, *thuộc* để quản lý thuế theo hình thức nộp sản vật³. Chính vì vậy mà có tài liệu cho rằng Khổ trường cũng được gọi là *thuộc*, *trại*, *trường* như trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn chép. Theo đó, Qui Hóa gọi là thuộc có 3.000 dân đinh, ruộng đất 5.000 sớ, mỗi mẫu hạng nhứt nộp thuế 6 hộc, hạng nhì 5 hộc, hạng ba 4 hộc; Tam Lạch (Tam Lạch) cũng được gọi là thuộc có ruộng đất 5.000 sớ, 4.000 dân đinh. Ba trại, thuộc là Bả Canh, Ba Lai và Rạch Kiến có hơn 4.000 đinh và ruộng đất hơn 4.000 sớ. Gian Thảo, Thiên Mục và Cảnh Dương được gọi là trường, riêng trường Gian Thảo có ngoài 6.000 sớ đất, thuế thu mỗi mẫu đất hạng nhứt nộp 10 hộc, hạng nhì nộp 8 hộc và hạng

3. *Man* là chỗ ở liền nhau, *Nậu* là làm cỏ ruộng vì lấy ý hợp nhóm làm ruộng (Phạm Hoàng Quân dịch, chú và khảo chứng, 2019), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, tr.355).

Trang, *trại* là những nơi có đất đai rộng và màu mỡ, dân cư nhiều. Đứng đầu là các chức Cai trại và Cai trang. *Trang* trại *man*, *nậu* lệ vào thuộc. Thuộc tương đương với tổng, đứng đầu là Cai tri và Đốc áp.

Xem thêm: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, ký yếu *Hỏi thảo khoa học Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, tr.148 - 149.

* Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp.

1. Các địa danh Thiên Mục, Gian Thảo, Quy Hóa và Quy An trong tư liệu có khi ghi là *Thiên Mỗ*, *Qui Hóa*, *Qui Yên*. Kho *Quản Thảo* cũng được gọi là Gian Thảo, Gian Thảo.

2. Trần Văn Giàu chủ biên (1987), *Địa chỉ văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.149.

ba nộp 6 học¹. Điều đó cho thấy trong buổi đầu khai hoang lập ấp, người ta đồng nhất các đơn vị tụ cư ban đầu, chỉ để ý đến tính chất của nó tức là khai thác và nộp thuế sản vật, phát triển sản xuất hơn là chú trọng về mặt hành chánh. Ngoài ra, các ghi chép trên phần nào phản ánh tình trạng dân cư, sản xuất nông nghiệp của một số vùng trung tâm gắn liền với nơi mà khổ trường được lập nên.

Một số tư liệu cho chúng ta hình dung về chức năng của các khổ trường thời bấy giờ. Là một điểm thu thuế hiện vật nên các khổ trường đều phải xây dựng kho chứa các vật hạng nộp vào. Ở phủ và huyện, nhà nước lại cho xây dựng kho tập trung thuế sản vật thuế về đây để tiện quản lý, kiểm soát và sau đó chuyển về kinh thành; mỗi kho chứa loại sản vật nhất định. *Phủ biên tạp lục* cho biết kho Tân An ở phủ Gia Định chứa các hạng thuế thóc ruộng của 3 trường là Giản Thảo, Thiên Mục, Cảnh Dương và 2 thuộc là Qui An và Qui Hóa; riêng ở phủ Định Viễn và trường Tân An cũng có kho chứa thuế thóc thảo điền, sơn điền trong phủ².

Với chức năng thu thuế, tích trữ hiện vật nên các kho có quân đội túc trực giữ gìn cùng với các quan lại coi sóc thuế khóa. Trông coi các kho thường là quan *Ký lục*, *Tri bạ* lưu thủ. Việc bố phòng ở các

kho Cảnh Dương, Thiên Mục và Hoàng Lạp có 20 chiến thuyền; Tam Lạch có 70 chiến thuyền; Qui An có 50 chiến thuyền; ba trại Bà Canh, Ba Lai và Rạch Kiến có 100 thôn, 70 chiến thuyền. Phan Khoang cho biết thêm các kho này chứa lúa, tiền thuế và kết cấu xây dựng của chúng. Kho chứa lúa lợp bằng cỏ tranh, vách là các tấm cốt tre³ dài 8 thước, rộng 7 thước rưỡi do người có ruộng nộp lên; thuế nộp 1.000 thăng thì nạp 5 tấm cốt quy thành tiền là 2 tiền mỗi tấm. Người ta còn thu thêm mỗi huyện 100 tấm cốt tính thành tiền để làm bông lộc cho các quan coi thuế và lính giữ kho... Các xã thì nộp tiền *khoán khổ* để dùng vào việc sửa chữa kho khi hư hỏng⁴.

Còn vị trí của các kho ở đâu và các khổ trường nạp thuế về đâu? Theo Sơn Nam, 3 kho Tân Thạnh, Cảnh Dương và Thiên Mục làm chỗ truy thu thuế của dinh Trấn Biên ở phía Đông Cù lao Phố, kho Tam Lạch ở vùng Mỹ Tho, Ba Giồng, kho Bà Canh ở Cao Lãnh, kho Gian Thảo cách phía nam thành Gia Định dặm rưỡi, sau sửa thành kho Bốn Trấn (ở vị trí Cầu Kho, Sài Gòn), kho Hoàng Lạp⁵ ở huyện Phước Long. Tác giả còn cho biết trong số này có 4 kho tập trung ở Cù lao Phố và Bến Nghé đề

thuận đường chuyên chở về kinh đô Huế và miền Trung khi chúa Nguyễn còn nắm quyền. Các khổ trường xa dinh Trấn Biên và Phiên Trấn như Cảnh Dương, Thiên Mục, Hoàng Lạp nạp thuế về huyện Phước Long, các kho Tam Lạch, Qui An, Bà Canh thì đóng thuế về huyện Tân Bình, vùng Sài Gòn⁶. Tư liệu khác cho biết có thể kho Quán Thảo là kho được lập đầu tiên, không chừng là kho thu thuế được lập ở Sài Gòn vào năm 1623 mà sử Khor-me gọi là *thương điểm* hay *đồn thu thuế* trong thời kỳ cư dân mới đến khai phá vùng đất mới, chưa hình thành xã thôn và đơn vị hành chánh hoàn chỉnh.

Như vậy, khổ trường không phải là đơn vị hành chánh mà là tổ chức tụ cư của những người làm nghề khai thác nguồn lợi tự nhiên trong buổi đầu khai phá vùng đất mới. Hay nói đúng hơn, các khổ trường là nơi thu thuế của các trại, nậu, man, thuộc, vừa tiện lợi cho người dân đến nộp sản vật trong khi đường sá đi lại còn xa xôi cách trở vừa giúp cho chính quyền quản lý chặt chẽ chính sách thuế khóa ngay tại địa phương.

2. Tiền đề hình thành vùng đất Cao Lãnh xưa

Trong số 9 khổ trường biệt nạp, khổ trường Bà Canh được cho là ở Cao Lãnh theo tư liệu ghi trên Bia Tiền hiền Nguyễn Tú. Khi ông đến đây vào cuối thế kỷ XVIII lập thôn Mỹ Trà tại Cao Lãnh thì

3. *Phủ biên tạp lục* gọi là rềm tre.

4. Phan Khoang (1969), *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558 - 1777 Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Nhà sách Khai Trí, tr. 477-478, tr.492.

5. Hoàng Lạp (hay Huỳnh Lạp) nghĩa là sấp vàng. Có lẽ vì vậy mà Sơn Nam đưa ra giả thuyết phải chăng kho này thu sấp ong và lâm sản do thợ rừng phía biên giới Việt - Miên đóng góp?

6. Sơn Nam (2009), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb. Trẻ, tr. 40-41 và tr.48.

đã nghe nơi đây là trường Bà Canh. Văn bia có đoạn "... *Dọ hỏi mới biết, vào khoảng thời Gia Long, ông Nguyễn Tú, người ở Quy Nhơn đến cư ngụ ở vùng đất này, ngày xưa có tên là khố trường Bà Canh (Bà Canh trường...)*". Lúc này, ở trên bờ con rạch Cái Sao Thượng và sông Con (sông Cao Lãnh) đã có nhiều cư dân từ thôn Bà Canh (phủ Quy Nhơn, trấn Bình Định) đến tụ cư nên gọi là xóm Bà Canh. Vùng Cao Lãnh khi ấy thuộc Bà Canh trường. Khi đất đai thuần thực, cư dân đến khai phá lập nghiệp trên vùng đất Bà Canh ngày càng đông đúc. Bộ máy chính quyền, đơn vị hành chính cũng từng bước hình thành để quản lý dân cư, coi sóc thuế khóa. Vào năm 1779, Bà Canh trường cũng như các khố trường biệt nạp trước kia hoàn thành vai trò nên được bãi bỏ.

Theo nhà nghiên cứu Trương Ngọc Tường, Bà Canh cũng là tên một địa danh nay thuộc xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Địa bạ Minh Mạng cho biết thôn Vĩnh An (xứ Cá Chốt), huyện Kiến Hòa nguyên thuộc Bà Canh, trại An Hòa, trấn Phiên An. Như vậy, có thể có khố trường Bà Canh ở xứ Cá Chốt nhưng cũng không bác bỏ tư liệu chứng minh trường Bà Canh ở tại Cao Lãnh vì tên gọi của khố trường không thể hiện sự tập trung về mặt địa lý¹. Và như vậy, tên gọi của các khố trường phụ thuộc vào nguồn

gốc của cư dân sinh sống nơi đó, một địa danh có thể xuất hiện ở nhiều khu vực khác nhau bởi có khi người ta lấy tên bản quán để đặt cho vùng đất mới nơi mà họ đang cư trú.

Đầu thế kỷ XIX, nhiều thôn ấp hình thành ở vùng Bà Canh trước kia như Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa (Mỹ Ngãi), Tân An (nay thuộc phường 11, thành phố Cao Lãnh), Tân Thuận, Tân Tịch... Các thôn này trực thuộc 2 đơn vị hành chính: tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường và tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Khi nhà Nguyễn đổi trấn thành 6 tỉnh (1832), vùng đất Cao Lãnh thuộc tổng Phong Thạnh và tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Đến năm 1838, huyện Kiến Đăng được chia thành 2 huyện Kiến Đăng và Kiến Phong, vùng Cao Lãnh thuộc huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường.

Khoảng những năm 20 của thế kỷ XIX, nguồn gốc địa danh *Cao Lãnh* xuất hiện, do chuyển âm từ *Câu Lãnh*. Tên gọi này gồm hai thành tố: *Câu* chỉ chức vụ Câu đương (chuyên lo việc phân xử các vụ kiện tụng trong làng) còn *Lãnh* là tục danh của ông Đỗ Công Tường. Ông bà Đỗ Công Tường là người nguyện chết thay cho dân trong trận dịch tả vào năm 1820 nên người dân gọi chợ Vườn Quít do ông bà tạo lập là *chợ ông Câu*, *chợ Câu Lãnh*, ngày nay còn lại di tích là Miếu Ông bà Chủ chợ Cao Lãnh (Đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường) đã được

công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia vào năm 2019. Và đến những năm 70 của thế kỷ XIX, địa danh Câu Lãnh với tên gọi chỉ một con rạch đã được ghi chú trên một số bản đồ cổ như bản đồ Nam Kỳ năm 1874 và 1878...

Tóm lại, Khố trường không phải là cơ quan cai trị, càng không phải là đơn vị hành chính nhưng chính là cơ sở cho việc quản lý dân cư, kinh tế trong buổi đầu khai phá đất đai, là tiền đề cho sự ra đời của thôn ấp hoàn chỉnh về sau. Cũng như lịch sử hình thành trại Bà Canh cũng bắt nguồn từ yêu cầu quản lý hoạt động khai thác và thu thuế hiện vật của một bộ phận cư dân miền Trung vào đây khai phá, lập nghiệp. Sau khi đất đai thuần thực, dân cư ổn định thì nơi đây cũng hình thành thôn ấp hoàn chỉnh. Tiến trình hình thành vùng đất Cao Lãnh cũng diễn ra trong bối cảnh ấy, bắt đầu từ hoạt động kinh tế làm cơ sở cho việc hoàn chỉnh dần các thể chế dân cư, xã hội. Và đến đầu thế kỷ XIX, tiền đề cho sự ra đời của địa danh Cao Lãnh cũng xuất hiện, cho đến khoảng một thế kỷ sau thì vùng đất này đã ổn định vững chắc về mặt hành chính. Sự hình thành và phát triển của vùng đất Cao Lãnh qua hơn 200 năm tính từ khố trường Bà Canh đến thành phố Cao Lãnh là di sản lịch sử của quá trình khai hoang lập ấp vào cuối thế kỷ XVIII ở cuộc đất tốt thời bấy giờ mà trung tâm là bờ sông Cái Sao Thượng. Qua đó, đặt nền móng quan trọng cho công cuộc khai phá vùng đất này diễn ra mạnh mẽ trong các thế kỷ tiếp theo □

1. Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp (2009), *Đồng Tháp đất & người*, tập II, Nxb. Trẻ, tr.45.